

TRẦN VĂN HẢI  
TỦ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

TẬP 6. THỰC HÀNH THUẬT PHONG  
THỦY. CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ  
MẠNG ĐOÀI

ĐỊA LÝ

PHONG THỦY?



LÀ KHOA ĐỊNH VỊ SINH HỌC ÁP DỤNG CHO  
NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT HIỆN ĐẠI

Chuyên Đề Mạng Đoài

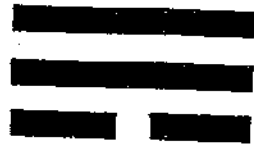
**TRẦN VĂN HẢI**

NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN  
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972

**THỰC HÀNH THUẬT  
PHONG THỦY  
CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ MẠNG  
ĐOÀI**

Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao  
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu

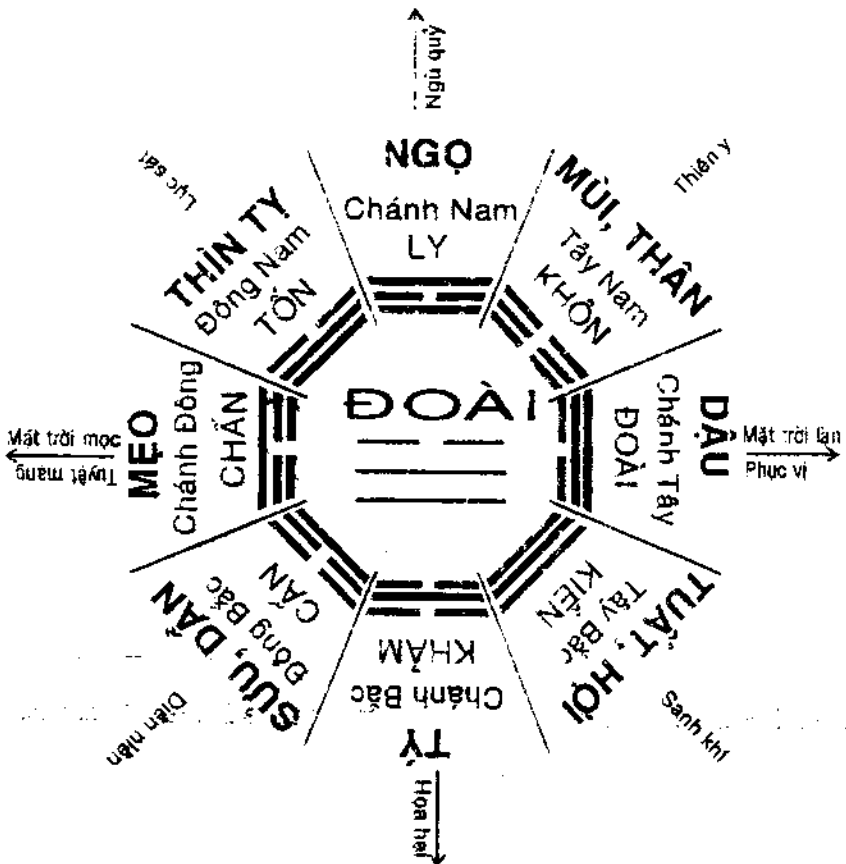
1992



ĐOÀI VI TRẠCH  
ĐÂM

# CHUYÊN ĐỀ LÝ GIẢI CÁC SINH HOẠT TẠI NỘI THẤT CỦA CHỦ NHÀ MẠNG

## ĐOÀI





Chú ý : Ở 1 - theo chiếu mũi tên dành cho HƯỚNG ĐẶT BẾP .  
Còn HƯỚNG XÂY NHÀ thuộc chiếu mũi tên của Ở 2.  
Ví dụ : Tuổi Hợi đặt bếp hướng Đông Tuổi Tý tuổi Sửu  
đặt hướng Đông Bắc. Xây nhà hướng Tây với tuổi Hợi.

# BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG ĐOÀI

## BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG ĐOÀI

Những điều nói trong "Tượng Loại Vạn Vật" là tượng vật của quẻ thuần. Nhiều người thắc mắc: khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào làm sao? (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì, như vậy là được. Ví dụ: đoán về ấn uống được quẻ "tụng" (☱) quẻ Kiến của quẻ thượng trong tượng vật của thực ấn là vật gì, quẻ Khảm của quẻ hạ trong tượng vật của nước ấn là vật gì, như thế là trong bản ấn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ hổ, quẻ biến cũng làm như vậy. Tượng quẻ khác cũng vậy trong việc nghiên cứu chuyên đề về Tượng Loại Vạn Vật, chúng ta cần lưu ý các điều sau đây:

- 1/ Giao thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa thu, chuyển từ tháng, năm: Tuất sang Hợi; giờ ngày tháng năm của ngũ kim nghĩa là tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, quẻ Kiến chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ Tuất, Hợi. Giờ ngày tháng năm của ngũ kim là: "ngũ kim" là chỉ "kim" trong ngũ hành, tức thời gian ứng sự của quẻ Kiến có thể đoán giờ ngày

## Chuyên Đề Mạng Đoài

tháng năm kim: Canh, Tân, Thìn, Dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như vậy).

2/ Ngôi hàng 1,4,9: quẻ Kiến vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng chín là kim, là chính ngôi của quẻ Kiến. Ngôi hàng 1, 4, 9 tức người đó là con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ chín. Các quẻ khác cách nói cũng như thế.

3/ Số 1, 4, 9: có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư, hoặc số là 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149: cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.

4/ Tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, giờ ngày tháng năm: Mùi, Thìn: quẻ Khôn ngũ hành thuộc Thổ, gặp tháng thổ: Thìn Tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán định vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn Sửu Mùi. Vị thần là phương vị của quẻ Khôn nên còn có thể đoán quẻ Khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ, Mùi, Thìn. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự. Dưới đây là các biểu tượng vạn vật thuộc cung Đoài được sắp xếp theo mẫu tự.

## **ĂN UỐNG**

(Ăn uống): thịt dê, vật ở ao hồ, vị bình thường, vật đắng cay.

## **BÁT MÔN TIỂU ĐỘN**

Bát môn là tám cung, tám cửa: Khảm, Cấn, Chấn, Tốn,

Ly, Khôn, Đoài, Kiền, Hưu, Sanh, Thương, Đổ, Kiển, Tũ, Kinh, Khai. Đối với cung Đoài thuộc kinh môn sở thuộc 6 ngày Kỷ Mão; Canh Thìn; Tân Tỵ; Quý Mão; Giáp Thìn; Ất Tỵ những ngày này không nên xuất hành xấu lắm.

## **BỆNH TẬT**

(Bệnh Tật): Bệnh ở miệng, lưỡi, yết hầu; bệnh thở dốc ngược; ăn uống không được.

## **BÓI KIỂU**

Trong phạm vi bói kiểu quẻ Đoài ứng về thương mại buôn bán lời hay lỗ.

## **CẦU DANH**

(Cầu Danh): Khó thành; vì danh mà có tổn thất; lợi về nhận việc ở phía Tây; nên làm hình quan (quan tòa); chức võ; người diễn viên, người phiên dịch.

## **CẦU TÀI**

(Cầu Tài): Không lợi, có hại, tài lợi gây ra cãi vã, mùa thu có tin vui, có cửa, mùa hạ không lợi.

## **CHỮ SỐ**

(Chữ Số): 4, 2, 9.

## **CHỮ TÊN HỌ**

(Chữ Tên Họ): Chữ viết tên họ có chữ khẩu ( ) chữ kim ( ) bên cạnh.

Ngôi hàng 4, 2, 9.



## **ĐỊA LÝ**

(Địa Lý): Ao đầm; mép nước; ao nhỏ; giếng bỏ đi; chỗ núi nẻ sụt lở; chỗ đất sỏi.

## **ĐỘNG VẬT**

(Động Vật): Dế, vật trong ao hồ.

## **GIAO DỊCH**

(Giao Dịch): Khó có lợi; để phòng cái vã; có cạnh tranh mùa thu có lợi do giao dịch; mùa hạ không lợi.

## **HỘI KIẾN**

(Hội Kiến): Lợi đi về phía Tây; gặp sẽ có chửi mắng.

## **HÔN NHÂN**

(Hôn Nhân): Không thành, mùa thu không thành; có hi (vui); tốt cho người chủ hôn; kết hôn với thiếu nữ; mùa hạ không lợi.

## **KIỆN TỤNG**

(Kiện Tụng): Tranh kiện mãi không thôi; quanh co không dứt khoát; vì kiện mà bị tổn hại; để phòng bị hình sự; mùa thu thắng lý được kiện.

## **MÀU SẮC**

(Màu Sắc): Trắng.

## **NGŨ VỊ**

(Ngũ Vị): cay.

## **NHÀ CỬA**

(Nhà Cửa): Ở hướng Tây; ở gần ao; nha tường vách hồng; nhà có hao tổn.

## **NHÀ Ở**

(Nhà ở): Không yên; để phòng cãi vã mùa thu thì vui mừng; mùa hạ nhà có tai họa.

## **NHÂN VẬT**

(Nhân vật): Thiếu nữ; thiếp, kỹ sư, diễn viên, người phiên dịch, thầy bói, con gái đi ở.

## **PHẦN MỘ**

(Phần mộ): Nên ở hướng Tây; phòng trong huyệt có nước; mộ gần ao hồ; hoặc táng ở huyệt đất hoang; mùa hạ không nên.

## **PHƯƠNG HƯỚNG**

(Phương hướng): Phương Tây.

## **SINH ĐẼ**

(Sinh đẻ): Không lợi; e có tổn hại thai hoặc là sinh con gái; mùa hạ không lợi; nên ngồi hướng Tây.

## **TÍNH CÁCH**

(Tính cách): Vui mừng; cãi vã (miệng lưỡi); nói xấu; ăn uống.

## **TÍNH VẬT**